

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG SƠN
TỈNH THANH HOÁ
Bản án số: 24/2023/HS-ST
Ngày 22 - 08 - 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thu Hà

Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tuấn Thành - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Lê Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 14/2023/TLST-HS ngày 09 tháng 06 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 07 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/HSST-QĐ ngày 28 tháng 07 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Đào Trọng Đ; sinh ngày 19 tháng 10 năm 1993; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Số nhà F phố Q, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đào Trọng T; con bà: Nguyễn Thị G; vợ, con: Chưa; tiền sự: Không; tiền án: Năm 2018, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá xử phạt 05 năm 09 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án số 146/2018/HSST ngày 20/07/2018, thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 29/10/2017, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2023, đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích; nhân thân: Ngày 23/08/2017, bị Công an thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 440/QĐ-XPVPHC ngày 23/08/2017, chấp hành xong việc nộp phạt ngày 09/10/2017. Bị tạm giữ từ ngày 05/01/2023 đến ngày 11/01/2023 chuyển tạm giam, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T. Có mặt.

2. Nguyễn Bá L ; sinh ngày 18 tháng 06 năm 1995; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Số nhà H phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Bá Đ1; con bà: Bùi Thị H; vợ, con: Chưa có. tiền sự: Không; tiền án: Ngày 07/01/2019 Tòa án nhân dân thành phố

Thanh Hóa đã xử phạt 09 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 06/2019/HSST, ngày 11/11/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (tái phạm) xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 30/2020/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 19/01/2023, đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích; nhân thân: Ngày 07/06/2018 bị Công an thành phố T xử phạt hành chính về hành vi “hủy hoại tài sản”; Bị cáo đã bị khởi tố bị can về hành vi “cố ý gây thương tích” theo Quyết định khởi tố bị can số 83/QĐ-CSDT ngày 13/01/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố T. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/03/2023 cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt.

3. Lê Hữu C; sinh ngày 04 tháng 01 năm 1997; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Hữu B; con bà: Nguyễn Thị L1; vợ, con: Chưa; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 20/07/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 05 năm 03 tháng tù giam về tội “*cố ý gây thương tích*” theo Bản án số 146/2018/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 10/03/2021, đến lần phạm tội này, bị cáo chưa được xóa án tích; nhân thân: Không. Bị tạm giữ từ ngày 05/01/2023 đến ngày 11/01/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt.

4. Trần Tấn L2; sinh ngày 06 tháng 06 năm 1997; tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Khu phố Đ, thị trấn R, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn G1; con bà: Lê Thị Mai L3; vợ, con: Chưa; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 20/07/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 05 năm 06 tháng tù giam về tội “*cố ý gây thương tích*” theo Bản án số 146/2018/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 10/11/2021, đến lần phạm tội này, bị cáo chưa được xóa án tích; nhân thân: Không. Bị tạm giữ từ ngày 29/12/2022 đến ngày 06/01/2023 chuyển tạm giam, đến ngày 26/05/2023, được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam sang bảo lãnh cho đến nay. Có mặt.

5. Nguyễn Văn B1; sinh ngày 10 tháng 08 năm 1993; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B2; con bà: Nguyễn Thị H1; vợ: Lê Thị L4, con: 01; tiền sự: Ngày 24/9/2020, bị Công an huyện Đ xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Xâm hại sức khỏe người khác”. Ngày 12/01/2023, Nguyễn Văn B1 đã nộp phạt; tiền án: Không; nhân thân: Năm 2016, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày 23/10/2015, không phải nộp án phí HSPT. Ngày 18/5/2016, Nguyễn Văn B1 đã nộp xong án phí HSST, ngày 23/02/2017 chấp hành xong án phạt tù. Bị tạm giữ từ ngày 05/01/2023 đến ngày 11/01/2023 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ. Có mặt.

6. Nguyễn Ngọc M; sinh ngày 03 tháng 02 năm 2000; tại tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Số nhà G, đường T, phố T, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn H2; con bà: Lê Thị H3; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không. Bị tạm giữ từ ngày 28/12/2022 đến ngày 06/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giữ bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo* Đào Trọng Đ: Luật sư Đặng Văn C1, Văn phòng L8 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

Địa chỉ: Số nhà F, phố T, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Triệu Quang C2 - Sinh năm 1995. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Anh Trần Đăng H4 - Sinh năm 1998. Vắng mặt.

3. Ông Trần Văn P - Sinh năm 1966. Có mặt.

4. Ông Thiệu Văn D – Sinh năm 1964. Có mặt.

5. Ông Trần Văn L5 – Sinh năm 1964. Vắng mặt.

6. Ông Trần Đăng V – Sinh năm 1969. Có mặt.

7. Bà Thiệu Thị O – Sinh năm 1964. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 13/10/2022, Đào Trọng Đ2, Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Bá L, Lê Hữu C ngồi uống rượu, bia tại phòng trọ của Đ2 ở phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa. B1 ngồi uống được khoảng 10 phút thì sang phòng trọ bên cạnh ngủ. Trong khi uống rượu, bia, Đ2 có nói với M, B1, L và C là “*phải đi tìm thằng C2 làm ở Đ, Đông Sơn đánh, do tối hôm trước nó mới đánh thằng C3 em tau*”. Sau đó Đ2, C, M tiếp tục ngồi uống rượu, bia với nhau, L đi bộ ra ngoài. Đến khoảng 00 giờ 30 phút cùng ngày, L quay lại thì Đ2 nói “*đi thôi*”. Lúc này L lấy con dao từ trong xe mô tô của L ra và dặt vào trong người, sau đó L sang phòng trọ bên cạnh gọi B1 và nói “*dậy đi có việc*”. Sau đó, M điều khiển xe mô tô của M chở Đ2, B1 điều khiển xe mô tô của B1 chở L và C đến xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa đi tìm anh C2 để đánh. Khi cả nhóm đi đến quán ăn đêm “Thế Tới” ở phố T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa thì nhìn thấy Trần Tấn L2 đang ăn tối ở trong quán nên cả nhóm dừng xe lại, L đi bộ lại, gọi L2 và nói “*đi có tý việc*”, L2 ra lấy xe mô tô của L2 đưa cho C điều khiển chở L2. Lúc này cả nhóm đi bằng 03 xe mô tô gồm M chở Đ2, B1 chở L và C chở L2 tiếp tục đi đến đoạn đường ở khu vực chợ thuộc thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa thì gặp một xe mô tô do anh Trần Đăng H4 (sinh năm 1998, nơi ở: thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa) điều khiển chở anh Triệu Quang C2 (sinh năm 1995, nơi ở: thôn B, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa) ngồi sau, đi ngược chiều, thấy vậy

các bị cáo liền quay xe lại đuổi theo anh H4 và anh C2 để đánh. Các bị cáo đi trên 03 xe mô tô bắt đầu đuổi từ khu vực chợ thuộc thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa dọc theo tuyến đường thôn dài khoảng 1,5 km đến thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình lùa đuổi các bị cáo điều khiển xe mô tô tăng ga, rồ máy, rú còi, nẹt bô xe mô tô để lùa đuổi theo xe mô tô của anh H4 và anh C2 mục đích để đánh gây thương tích, khi đến gần khu dân cư nhà anh H4 thì anh C2 nhảy xuống xe, chạy bộ vào khu dân cư và trốn ở vườn nhà hàng xóm (bên cạnh nhà anh H4), anh H4 điều khiển xe mô tô đi đến nhà anh H4, sau đó dựng xe ở trước nhà và trốn sang vườn nhà hàng xóm cùng với anh C2. Lúc này, Đ2, M, B1, L, C, L2 đi xe mô tô vòng xung quanh các ngõ, đường khu dân cư để tìm anh H4 và anh C2, khi thấy xe mô tô của anh H4 dựng trước nhà anh H4, thì Đ2, M, B1, L, C, L2 dừng lại trước cửa nhà anh H4 để lấy hung khí, M lấy con dao từ trong cốp xe của M ra cầm trên tay, Đ2 cầm một đoạn gậy gỗ, L lấy con dao từ trong người ra cầm trên tay, C lấy một khẩu súng màu đen, dạng súng bắn đạn diêm, dài khoảng 20cm, cao khoảng 15cm từ trong túi áo ra cầm trên tay, B1 và L2 không cầm gì. Đ2, M, C, L, B1 xông vào trong nhà anh H4, L2 đứng ở ngoài trước cửa nhà, đồng bọn tìm kiếm anh H4 và anh C2 nhưng không thấy mà chỉ thấy ông Trần Văn P (là bố của anh H4). Sau đó Đ2, M, B1, L, C và L2 lùng sục, tìm kiếm xung quanh nhà, sân, vườn nhà anh H4 nhưng không thấy anh H4 và anh C2 thì cả nhóm lên xe mô tô đi tìm xung quanh nhà anh H4, và khu dân cư cạnh nhà anh H4 để tìm kiếm nhưng vẫn không thấy anh H4 và anh C2, do đó cả nhóm đi về phòng trọ của Đ2. Trên đường đi về, M ném con dao của M, C ném khẩu súng của C, L ném con dao của L xuống cánh đồng lúa thôn V, xã Đ, huyện Đ. Sau đó về phòng trọ của Đ2, Đ2 ở lại phòng trọ, còn M, B1, L, C và L2 điều khiển xe mô tô đi về nhà.

Theo báo cáo của Công an xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa và báo cáo của các hộ dân trú tại thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa nơi xảy ra vụ án: Các bị cáo mang theo súng, dao, gậy đi trên 03 xe mô tô lùa đuổi nhau dọc trên tuyến đường thôn từ khu vực chợ thuộc thôn V, xã Đ đến thôn V, xã Đ đường có chiều dài khoảng 1,5 km. Trong quá trình lùa đuổi các bị cáo điều khiển xe mô tô tăng ga, rồ máy, rú còi, nẹt bô xe mô tô. Khi đến nhà anh H4 và khu dân cư các đối tượng lùng sục, la hét tìm kiếm anh H4 và anh C2 để đánh. Theo báo cáo của ông Trần Văn P (bố anh H4) thì khi các đối tượng tìm không thấy anh H4, khi quay ra trước nhà khoảng 15m thì các đối tượng dừng lại, ông P nghe 01 tiếng nổ như súng, sau đó các đối tượng lên xe, rú ga chạy về hướng thành phố T. Quá trình điều tra xác định C là người cầm súng, nhưng Công khai nhận chỉ cầm súng để dọa, không bắn phát nào, Công khai nếu có tiếng nổ là do các đối tượng đi xe mô tô nẹt bô mà có. Hành vi của các bị cáo đã gây mất an ninh, trật tự thôn, xóm, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, chính trị trên địa bàn xã Đ. Công an xã Đ và quần chúng nhân dân đề nghị xử lý nghiêm các đối tượng có hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã thu giữ dữ liệu điện tử ghi lại hình ảnh về hành vi gây rối trật tự công cộng gồm:

- 01 (một) đĩa CD-R màu cam, chứa 02 tệp video
- 01 (một) đĩa CD-R màu cam, chứa 04 tệp video

Ngày 29/3/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ ra quyết định trưng cầu giám định đối với các tệp video trên.

Ngày 31/5/2023 Phòng K1 Công an tỉnh T có kết luận giám định số 2058/KL-KTHS kết luận:

- Không phát hiện dấu hiệu chỉnh sửa, cắt ghép nội dung hình ảnh với tệp video “3991608919127.mp4” của 01 (một) đĩa CD-R gửi giám định.

- Không xác định được tệp video “3991608919117.mp4” của 01 (một) đĩa CD-R gửi giám định có bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không, do hình ảnh được ghi lại nội dung từ màn hình của thiết bị.

Ngày 31/5/2023 Phòng K1 Công an tỉnh T có kết luận giám định số 2059/KL-KTHS kết luận:

- Không xác định được 04 tệp video của 01 (một) đĩa CD-R gửi giám định có bị cắt ghép, chỉnh sửa hay không- Do hình ảnh được ghi lại nội dung từ màn hình của thiết bị.

Ngoài hành vi phạm tội trên, các bị cáo còn khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 12/10/2022 trước khi xảy ra vụ án, Đ2 điều khiển xe mô tô chở B1 và L; C điều khiển xe mô tô chở L2; Phùng Duy T1 điều khiển xe mô tô chở H2; D điều khiển xe mô tô chở anh K; M điều khiển xe mô tô chở Tuấn A đi chơi trên đường. Khi đi đến đoạn đường qua cống Chéo khoảng 100m, hướng về xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa, thuộc thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa thì nhìn thấy một xe mô tô chở ba người nam giới, do anh Trần Đăng H4 điều khiển chở theo anh Nguyễn Hữu L6, sinh năm 2004 và anh Lê Doan T2, sinh năm 2002 (đều có nơi ở: thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa) đi phía trước, M điều khiển xe mô tô ép xe của anh H4 vào lề đường bên phải, sau đó tất cả mọi người dừng lại, xuống xe. Trong lúc M hỏi anh H4 thì L và Đ2 dùng tay tát, đấm vào mặt, đầu, người anh H4. Những người khác chỉ đứng ở đường và không hành động gì. Khoảng 05 phút sau thì số người trên lên xe và đi về hướng, thành phố T, T1, D, K, Tuấn A, H2, L2 đi về nhà. Còn Đ2, M, C, L, B1 uống rượu, bia tại phòng trọ của Đ2 sau đó rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội “gây rối trật tự công cộng” như nội dung đã trình bày ở trên.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 1140/2022/TTPY ngày 03/11/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với anh Trần Đăng H4 là 03% (ba phần trăm).

Ngày 10/5/2023 anh Đăng H4 có đơn đề nghị gửi các Cơ quan tiến hành tố tụng trình bày do thương tích nhẹ, không ảnh hưởng đến sức khỏe, hai bên đã tự nguyện hoà giải nên đề nghị không xử lý Đ2, L về hành vi cố ý gây thương tích.

Đối với các đồ vật mà các bị cáo đã sử dụng là: Con dao của bị cáo M là con dao màu đen, dài khoảng 50cm. Con dao của bị cáo L là con dao màu đen, dài khoảng 50cm. Khẩu súng của bị cáo C là khẩu súng màu đen, dạng súng bắn đạn diêm, dài khoảng 20cm, cao khoảng 15cm. Gậy gỗ mà bị cáo Đ2 sử dụng là gậy gỗ màu đen, dạng gậy đánh bóng chày, dài khoảng 60cm, đường kính khoảng 6cm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã truy tìm nhưng không thấy, nên đã ra thông báo truy tìm vật chứng.

Về dân sự: Trong quá trình điều tra vụ án, anh Trần Đăng H4 và anh Triệu Quang C2 không có yêu cầu, đề nghị gì về dân sự đối với bất cứ ai.

Quá trình điều tra, bị cáo Đ2 không khai nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo M, B1, L, C, L2 đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

Tại bản cáo trạng số 19/CT-VKSĐS ngày 08 tháng 06 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố: Các bị cáo Đào Trọng Đ, Lê Hữu C, Trần Tấn L2, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Ngọc M về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Bá L về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm b, e khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá giữ nguyên quan điểm truy tố đối với tất cả 06 bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng số 19/CT-VKSĐS ngày 08 tháng 06 năm 2023. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội của tất cả các bị cáo gây ra, nêu lên những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Tất cả 06 bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS. Đề nghị mức hình phạt đối với:

1. Đào Trọng Đ từ 32 tháng đến 38 tháng tù.

2. Lê Hữu C từ 30 tháng đến 34 tháng tù.

3. Trần Tấn L2 từ 28 tháng đến 32 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS. Đề nghị mức hình phạt đối với:

4. Nguyễn Văn B1 từ 24 tháng đến 28 tháng tù.

- Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS. Đề nghị mức hình phạt đối với:

5. Nguyễn Bá L từ 34 tháng đến 40 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 BLHS. Đề nghị mức hình phạt đối với:

6. Nguyễn Ngọc M từ 24 tháng đến 28 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 56 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Áp dụng Điều 331, Điều 333 của BLHS: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bào chữa cho Đào Trọng Đ là Luật sư Đặng Văn C1 trình bày: Ông thống nhất với tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội, hậu quả về vật chất và tinh thần bị cáo Đ gây ra không lớn, bị cáo có nhiều tình tiết

giảm nhẹ và đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Đào Trọng Đ để xử phạt Đào Trọng Đ mức án đầu khung hình phạt.

Tại phiên tòa: Tất cả 06 bị cáo có mặt đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình và đồng ý với tội danh, điều luật và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng mà Đại diện Viện kiểm sát truy tố và luận tội; Đào Trọng Đ thống nhất với lời trình bày bào chữa của người bào chữa.

Trong quá trình điều tra, lời khai của những người làm chứng là anh Triệu Quang C2, anh Trần Đăng H4, ông Trần Văn L5, bà Thiệu Thị O phù hợp lời khai của các bị cáo và với nội dung sự việc như cáo trạng đã truy tố các bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa lời khai của ông Trần Văn P, ông Thiệu Văn D, ông Trần Đăng V phù hợp lời khai của các bị cáo và với nội dung sự việc như cáo trạng đã truy tố các bị cáo.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, tất cả 06 bị cáo đều khai nhận về hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn đã truy tố.

Cụ thể như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước giữa Đào Trọng Đ và Triệu Quang C2 nên khoảng 00 giờ 30' ngày 13/10/2022, trong lúc ngồi uống bia tại phòng trọ của Đ ở phố T, phường Đ, thành phố T, Đ rủ Nguyễn Ngọc M, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Bá L, Lê Hữu C đi tìm anh C2 để đánh, sau đó L rủ thêm Trần Tấn L2. Khi đi Nguyễn Ngọc M điều khiển xe mô tô chở Đào Trọng Đ; Lê Hữu C điều khiển xe mô tô chở Trần Tấn L2; Nguyễn Văn B1 điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Bá L, khi đến khu vực chợ thuộc thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa thì gặp một xe mô tô do anh Trần Đăng H4 điều khiển chở anh Triệu Quang C2. Các bị cáo ngồi trên 03 xe mô tô liền quay xe lại đuổi theo anh H4 và anh C2 từ khu vực chợ thuộc thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa dọc theo tuyến đường thôn dài khoảng 1,5 km đến thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình lùa đuổi các bị cáo điều khiển xe mô tô tăng ga, rồ máy, rú còi, nẹt bô xe mô tô để lùa đuổi theo xe mô tô của anh H4 và anh C2. Khi đến nhà anh H4 và khu dân cư các đối tượng lấy hung khí gồm

dao, súng, gậy gỗ. Sau đó lùng sục, la hét tìm kiếm xung quanh nhà, sân, vườn và khu dân cư cạnh nhà anh H4, nhưng không tìm thấy anh H4 và anh C2 nên cả nhóm lên xe mô tô đi về phòng trọ của Đ. Hành vi của các bị cáo đã gây mất an ninh, trật tự thôn, xóm, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh, chính trị trên địa bàn xã Đ.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự, an toàn công cộng, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật, các bị cáo dùng hung khí nguy hiểm để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Bá L đã tái phạm lần phạm tội tại Bản án số 30/2020/HSST ngày 11/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo đã tái phạm nguy hiểm. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Đào Trọng Đ, Lê Hữu C, Trần Tấn L2, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Ngọc M đã có hành vi phạm vào điểm b khoản 2 Điều 318 BLHS, bị cáo Nguyễn Bá L có hành vi phạm vào điểm b, c khoản 2 Điều 318 BLHS.

* Xét vai trò, tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Trong vụ án này các bị cáo phạm tội với hình thức đồng phạm giản đơn, trong đó Đào Trọng Đ là người khởi xướng, rủ rê các bị cáo khác đi tìm anh Triệu Quang C2 để đánh, Đ cũng là người tham gia tích cực vào việc thực hiện hành vi phạm tội nên đóng vai trò đầu vụ. Đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc M, Trần Tấn L2, Nguyễn Văn B1, Lê Hữu C và Nguyễn Bá L đều là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nhưng M, C, L sử dụng hung khí nguy hiểm nên đóng vai trò thứ hai, L2 và B1 không sử dụng hung khí nên có vai trò thứ ba.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo L, C, L2, B1, M đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Quá trình điều tra, truy tố bị cáo Đ không thành khẩn khai báo nhưng tại phiên tòa bị cáo Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đào Trọng Đ có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”, đến lần phạm tội này bị cáo chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo có thân nhân là người có công với cách mạng, bị cáo có thời gian phục vụ trong quân ngũ và đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Bá L không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có thời gian phục vụ trong quân ngũ và đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, tham gia đóng góp quỹ phòng chống thiên tai lũ lụt, quỹ ủng hộ người nghèo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Lê Hữu C có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”, chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo có thân nhân là người có công với cách mạng, bị cáo tham gia đóng góp quỹ phòng chống thiên tai lũ lụt, phòng chống covid 19, quỹ ủng hộ người nghèo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Trần Tấn L2 có 01 tiền án về tội “Cố ý gây thương tích”, chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo đầu thú, có thân nhân (ông nội) là liệt sỹ, bị cáo có thời gian phục vụ trong quân ngũ và đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự bị cáo tham gia đóng góp quỹ phòng chống thiên tai lũ lụt, phòng chống covid 19, quỹ ủng hộ người nghèo, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Văn B1 không có tình tiết tăng nặng.

Bị cáo Nguyễn Văn M1 không có tình tiết tăng nặng, bị cáo đầu thú, bị cáo tham gia đóng góp quỹ phòng chống thiên tai lũ lụt, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4] Về quyết định hình phạt: Căn cứ vào hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy:

Bị cáo Đ, L, C, L2, B1 đều có nhân thân xấu, tái phạm, tái phạm nguy hiểm hoặc có tiền sự. Nên cần xét xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo và cần cách ly khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Thời gian các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Bị cáo Đ có vai trò là đầu vụ, tuy nhiên bị cáo L có 02 tình tiết định khung là dùng hung khí nguy hiểm và tái phạm nguy hiểm nên bị cáo L phải chịu mức án cao nhất trong các bị cáo, tiếp đến là bị cáo Đ, bị cáo C, bị cáo L2, bị cáo B1 và cuối cùng là bị cáo M1.

Bị cáo M1 có 02 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng. Vì vậy, không nhất thiết phải cách ly bị cáo M1 ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt tù bị cáo M1 cho hưởng án treo, giao về chính quyền địa phương quản lý, giám sát trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo M1 trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Lời luận tội của kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị kết tội các bị cáo theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã truy tố và hướng giải quyết về trách nhiệm hình sự là có căn cứ, nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS:

Tuyên bố: Các bị cáo Đào Trọng Đ, Lê Hữu C, Trần Tấn L2 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt Đào Trọng Đ 32 (ba mươi hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 05 tháng 01 năm 2023).

Xử phạt Lê Hữu C 30 (ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 05 tháng 01 năm 2023).

Xử phạt Trần Tấn L7 28 (hai mươi tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày đi thi hành án, được trừ 148 (một trăm bốn mươi tám) ngày bị tạm giam từ trước (từ ngày 29/12/2022 đến ngày 25/05/2023).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B1 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt Nguyễn Văn B1 25 (hai mươi lăm) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam (ngày 05 tháng 01 năm 2023).

Áp dụng điểm b, e khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 BLHS:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Bá L phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt Nguyễn Bá L 34 (ba mươi tư) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 29 tháng 03 năm 2023).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 BLHS:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc M phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Xử phạt Nguyễn Ngọc M 24 (Hai mươi tư) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Ngọc M cho Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Nguyễn Ngọc M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 BLHS.

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Đào Trọng Đ, Nguyễn Bá L, Lê Hữu C, Nguyễn Văn B1, áp dụng biện pháp bảo lãnh đối với bị cáo Trần Tấn L2 với thời hạn 45 ngày để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: các bị cáo Đào Trọng

Đ, Nguyễn Bá L, Lê Hữu C, Trần Tấn L2, Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Ngọc M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 của BLHS: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- CQĐT CA huyện Đông Sơn;
- CQTHAHS CA huyện Đông Sơn;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tân

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị
Hằng**

Lê Thị Thu Hà

Nguyễn Thanh Tân